

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/7/2025.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệp.*

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Phan Thanh Long

2. Ông: Tô Đình Phương

- *Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Việt là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Gia Lai.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hòa – Kiểm sát viên.*

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 - Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Gia Lai - Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2024 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2025 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị S, sinh năm 1972 – Hiện trú tại: Thôn Chánh L, xã Đề G, tỉnh Gia Lai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Chánh L, xã Đề G, tỉnh Gia Lai.

Nơi đăng ký hộ khẩu tạm trú: Thôn Chí C, xã Cư A, Huyện Đăk P, tỉnh Gia Lai (Nay thuộc Phường An B, tỉnh Gia Lai).

-*Bị đơn:* Ông Phan Trần K, sinh năm 1980 – Nơi đăng ký HKTT: Thôn Chánh L, xã Đề G, tỉnh Gia Lai.

Nay bà S có mặt; ông K vắng mặt tại phiên tòa lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2024, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay - Nguyên đơn bà Phạm Thị S trình bày:*

-Về hôn nhân: Bà S và ông Phan Trần K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cư A, huyện An Kh, tỉnh Gia Lai ngày 12/11/2000 (sau sáp nhập nay là Ủy ban nhân dân phường An B, tỉnh Gia Lai); hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống, cư trú tại thôn Chánh L, xã Cát Kh, huyện Phù C, tỉnh Bình Định (nay là xã Đề G, tỉnh Gia Lai) là quê hương của bà. Vợ chồng chung sống sinh được 03 người con nhưng đời sống vợ chồng giữa bà và ông K không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông K sống không có trách nhiệm với vợ con, không chăm lo cuộc sống gia đình mà thường xuyên nhậu nhẹt, bài bạc dẫn đến nợ nần phải bán nhà trả nợ cho ông K. Ông K còn bạo lực gia đình, đánh vợ con và sống không chung thủy với bà. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà và ông K đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Bà và ông K không thể hàn gắn để chung sống với nhau được nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phan Trần K.

-Về con chung và tài sản chung giữa bà và ông K: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn ông Phan Trần K:* Ông K không đến Tòa tham gia tố tụng vụ kiện, không gửi bản khai ghi ý kiến của ông về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của vụ án cho ông theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

-Về phần thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S; cho bà Phạm Thị S được ly hôn ông Phan Trần K.

Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xét.

**Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có:*

-Giấy chứng nhận kết hôn giữa bà Phạm Thị S và ông Phan Trần K (bản sao).

-Giấy xác nhận thông tin về cư trú của bà S, ông K do Công an xã Cát Kh, huyện Phù C (nay là xã Đề G, tỉnh Gia Lai) xác nhận và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) nhận định:

[1]Xét về mặt tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện ly hôn giữa bà S – ông K, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ, hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của vụ án cho bị đơn ông Phan Trần K theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự gồm: Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập đương sự và Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa (lần 1, lần 2). Ông K biết được việc bà S đang yêu cầu xin ly hôn ông tại Tòa án nhân dân huyện Phù Cát nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Gia Lai nhưng ông cố tình không đến Tòa trình bày ý kiến của mình về vụ kiện, không tham gia tố tụng vụ kiện là vi phạm nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70; điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông K phải gánh chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung.

[2]Xét nội dung vụ án:

[a]Xét yêu cầu của bà S yêu cầu được ly hôn ông K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa bà Phạm Thị S và ông Phan Trần K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cư A, huyện An Khê, tỉnh Gia Lai vào ngày 12/11/2000 (sau sáp nhập nay là Ủy ban nhân dân phường An B, tỉnh Gia Lai); hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà S và ông K về sinh sống, cư trú tại thôn Chánh L, xã Cát Kh, huyện Phù C, tỉnh Bình Định (nay là xã Đề G, tỉnh Gia Lai) là quê hương của bà S và vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây. Trong thời gian chung sống bà S, ông K sinh được 03 người con chung nhưng qua thời gian giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà S và ông K đã sống ly thân từ năm 2020, giữa hai người không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Qua lời trình bày của bà S, Hội đồng xét xử xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà S và ông K là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống; vợ chồng sống thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống từ đó tình cảm vợ chồng ngày dần lạnh nhạt, hôn nhân không còn hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà S và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn để chung sống với nhau được nữa; mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 – HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S, cho bà S được ly hôn ông K.

[b]Về quan hệ con chung và tài sản chung giữa bà S, ông K: Bà S, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[c] Án phí ly hôn: Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Buộc bà S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

**Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị về hướng giải quyết nội dung vụ án phù hợp với hướng nhận định của HĐXX nên được HĐXX chấp nhận.*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị S; cho bà Phạm Thị S được ly hôn ông Phan Trần K.

2. Về quan hệ con chung và tài sản chung giữa bà S, ông K: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Buộc bà Phạm Thị S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước, bà S đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí khởi kiện tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007045 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – tỉnh Gia Lai) nên được khấu trừ, bà S đã nộp xong.

Án xử sơ thẩm công khai, bà S có mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông K vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đề G – tỉnh Gia Lai nơi ông K cư trú (Đăng ký hộ khẩu thường trú).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-Các đương sự;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND Khu vực 3 – Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Phòng T.H.A ds Khu vực 3 – Gia Lai;
- UBND phường An Bình, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

Lê Thị Diệp